

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 7.12.2022

HOA KHAI BÁT TRẠCH BÀN GIA ĐÌA
Kinh Người Nghèo Khó (Daliddasuttam)
CHƯƠNG XI. TƯƠNG ƯNG SAKKA - PHẨM THỨ HAI (S. i, 231)

Người đời thường nhìn ai đó qua xuất thân. Con vua thì được làm vua, con sãi ở chùa thì quét lá đũa. Trong Phật pháp thì điều đáng nói không phải là hiện trạng mà là hướng đi. Có người từ chỗ tối đi tới chỗ tối; có người từ chỗ tối đi đến chỗ sáng. Và cũng có những trường hợp ngược lại. Điểm then chốt ở đây là thiện pháp có hiển sinh trong cuộc sống hay không. Có thiện pháp thì có những hiệu ứng thù thắng. Hoa nở vốn không phân vườn đất của người nghèo hay giàu.



Kinh Văn

Ekam samayaṃ bhagavā rājagahe viharati veḷuvane kalandakanivāpe. Tatra kho bhagavā bhikkhū āmantesi – “bhikkhavo”ti. “Bhadante”ti te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca –

Một thủa Đức Thế Tôn ngự ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), tại khu Kalandakanivāpe (chỗ cho sóc ăn).

Đức Thế Tôn gọi các tỳ khưu: "Này các tỳ khưu"

"Dạ, bạch Thế Tôn." Chư tỳ khưu trả lời.

Đức Thế Tôn nói như sau:

“Bhūtapubbam, bhikkhave, aññataro puriso imasmiṃyeva rājagahe manussadaliddo ahoṣi manussakapaṇo manussavarāko.

So tathāgatappavedite dhammavinaye saddham samādiyi, sīlam samādiyi, sutam samādiyi, cāgam samādiyi, paññam samādiyi.

So tathāgatappavedite dhammavinaye saddham samādiyivā sīlam samādiyivā sutam samādiyivā cāgam samādiyivā pañnam samādiyivā kāyassa bheda param maraṇā sugatim saggam lokam upapajji devānam tāvatimsānam sahyatam. So aññe deve atirocati vaṇṇena ceva yasasā ca.

-- Nay các tỳ khuru trước đây tại thành Vương Xá này có người nghèo, cùng đing, khốn khó.

Người ấy huân tu tín, huân tu giới, huân tu thí, huân tu tuệ trong pháp và luật do Như Lai tuyên thuyết.

Sau khi thân hoại mệnh chung người ấy sanh lên cảnh giới an lạc, cõi trời, cộng trú với chư thiên Tam Thập Tam Thiên. Vị ấy chói sáng hơn chư thiên khác về dung sắc và danh tiếng do huân tu tín, huân tu giới, huân tu thí, huân tu tuệ trong pháp và luật do Như Lai tuyên thuyết.

Tatra sudam, bhikkhave, devā tāvatimsā ujjhāyanti khiyyanti vipācenti – ‘acchariyam vata bho, abhutam vata bho! Ayañhi devaputto pubbe manussabhūto samāno manussadaliddo ahosi manussakapaṇo manussavarāko; so kāyassa bheda param maraṇā sugatim saggam lokam upapanno devānam tāvatimsānam sahyatam. So aññe deve atirocati vaṇṇena ceva yasasā cā’’ti.

Do sự kiện như vậy chư thiên ở Tam Thập Tam Thiên thấy khó chịu, tức tối, than phiền: Thật lạ lùng, thật khó tin. Vị thiên tử này thuở xưa là người nghèo, cùng đing, khốn khó. Sau khi thân hoại mệnh chung người ấy sanh lên cảnh giới an lạc, cõi trời, cộng trú với chư thiên Tam Thập Tam Thiên. Vị ấy chói sáng hơn chư thiên khác về dung sắc và danh tiếng .

‘‘Atha kho, bhikkhave, sakko devānamindo deve tāvatimse āmantesi – ‘mā kho tumhe, mārisā, etassa devaputtassa ujjhāyittha. Eso kho, mārisā, devaputto pubbe manussabhūto samāno tathāgatappavedite dhammavinaye saddham samādiyī, sīlam samādiyī, sutam samādiyī, cāgam samādiyī, pañnam samādiyī. So tathāgatappavedite dhammavinaye saddham samādiyivā sīlam samādiyivā sutam samādiyivā cāgam samādiyivā pañnam samādiyivā kāyassa bheda param maraṇā sugatim saggam lokam upapanno devānam tāvatimsānam sahyatam. So aññe deve atirocati vaṇṇena ceva yasasā cā’’ti.

Nay các tỳ khuru Thiên chủ Sakka nói chư Thiên ở Tam thập tam thiên: Các bạn thân mến, chớ khó chịu bực tức với vị thiên tử ấy. Thiên tử ấy do huân tu tín, huân tu

giới, huân tu thí, huân tu tuệ trong pháp và luật do Như Lai tuyên thuyết nên sau khi thân hoại mệnh chung người ấy sanh lên cảnh giới an lạc, cõi trời, cộng trú với chư thiên Tam Thập Tam Thiên. Vị ấy chói sáng hơn chư thiên khác về dung sắc và danh tiếng.

Atha kho, bhikkhave, sakko devānamindo deve tāvatimse anunayamāno tāyaṃ velāyaṃ imā gāthāyo abhāsi –

Này các tỳ khuru Thiên chủ Sakka sau khi nói vậy với chư Thiên ở Tam thập tam thiên liền nói lên kệ ngôn:

**“Yassa saddhā tathāgate, acalā suppatiṭṭhitā;
Sīlaṅca yassa kalyāṇaṃ, ariyakantaṃ paṣamsitaṃ.**

**“Saṅghe pasādo yassatthi, ujubhūtaṅca dassaṇaṃ;
Adaliddoti taṃ āhu, amoghaṃ tassa jīvitaṃ.**

**“Tasmā saddhaṅca sīlaṅca, pasādaṃ dhammadassaṇaṃ;
Anuyuñjetha medhāvī, saraṃ buddhāna sāsana”nti.**

“Ai với niềm tin Phật
Kiên cố và bất động
Sống hiền thiện giới hạnh
Được bậc trí tán thán.

“Ai tịnh tín nơi Tăng
Với cái nhìn chánh trực
Người ấy không phải nghèo
Không sống trong hư vọng.

“Do vậy người hiền trí
Phụng hành lời Phật dạy
Với cả tín và giới
Do hiểu biết Chánh Pháp.



Thích văn

“**Yassa saddhā tathāgate, acalā suppatitṭhitā** = ai có niềm tin kiên cố bất động ở Đấng Như Lai

Sīlañca yassa kalyāṇaṃ, ariyakantaṃ pasamsitaṃ = sống hiền thiện trong giới hạnh được bậc thánh tán thán

“**Saṅghe pasādo yassatthi, ujubhūtañca dassanaṃ** = ai có tịnh tín nơi Tăng già và cái nhìn chánh trực

Adaliddoti taṃ āhu, amogaṃ tassa jīvitaṃ = được gọi là người không nghèo, không sống trong hư vọng

“**Tasmā saddhañca sīlañca, pasādaṃ dhammadassanaṃ** = thấy hiểu chân pháp với niềm tin và giới hạnh

Anuyuñjetha medhāvī, saraṃ buddhāna sāsana’nti = bậc thiện trí phụng hành lời dạy của Đức Phật



Thích nghĩa

Theo Sớ giải thì người nghèo khổn khó trong bài kinh này là một người bị bệnh phong cùi tên Suppabuddha. Câu chuyện chi tiết về người này được kể trong Kinh Phật Tự Thuyết câu 48-50. Người cùi này trong một kiếp tiền thân là vua của xứ Bārāṇasī do xúc phạm một vị Phật Độc Giác già nua nên sau khi mạng chung sanh vào địa ngục. Khi sanh lại làm người quả nghiệp dư sót khiến sanh làm một người hành khất bị cùi trong thành Vương Xá. Một ngày kia tình cờ đi ngang pháp hội nghe được Phật thuyết pháp chứng tu đà hườn. Sau này bị một con bò húc chết và sanh về cõi Dao lợi.

Câu “Deve tāvatimse anunayamāno” được Sớ Giải Tăng Chi Bộ anubodhayamāno, saññāpentī có nghĩa là làm cho hiểu, thuyết phục. Ý câu này là Thiên chủ Sakka đã khiến cho chư thiên Tam Thập Tam hiểu được lý lẽ.

Chú giải cũng nêu niềm tin đến từ chứng đạo (maggen’āgatasaddhā), sự hiền thiện y cứ trên giới (sīlaṃ kalyāṇaṃ) và giới hạnh của bậc thánh được thánh giả tán thán (ariyakantasīla). Tất cả những đặc điểm này đều là những gì thù thắng quả vị tu đà

huòn. Sớ giải Kinh Pháp Cú cũng kể lại giai thoại Thiên chủ Sakka từng thử thách niềm tin Phật, Pháp của người cù Suppabuddha.

Tỳ khuru Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình

4. Daliddasuttam [Mūla]

260. Ekam samayaṃ bhagavā rājagahe viharati veḷuvane kalandakanivāpe. Tatra kho bhagavā bhikkhū āmantesi – “bhikkhavo”’ti. “Bhadante”’ti te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca –

“Bhūtapubbam, bhikkhave, aññataro puriso imasmiṃyeva rājagahe manussadaliddo [manussadaliddo (sī. syā. kaṃ.)] ahosi manussakapaṇo manussavarāko. So tathāgatappavedite dhammavinaye saddham samādiyi, sīlaṃ samādiyi, sutam samādiyi, cāgaṃ samādiyi, paññaṃ samādiyi. So tathāgatappavedite dhammavinaye saddham samādiyitvā sīlaṃ samādiyitvā sutam samādiyitvā cāgaṃ samādiyitvā paññaṃ samādiyitvā kāyassa bhedaṃ paraṃ marañā sugatiṃ saggam lokam upapajji devānam tāvatimsānam saḥabyatam. So aññe deve atirocati vaṇṇena ceva yasasā ca. Tatra sudam, bhikkhave, devā tāvatimsā ujjhāyanti khiyyanti vipācenti – ‘acchariyam vata bho, abbhutam vata bho! Ayañhi devaputto pubbe manussabhūto samāno manussadaliddo ahosi manussakapaṇo manussavarāko; so kāyassa bhedaṃ paraṃ marañā sugatiṃ saggam lokam upapanno devānam tāvatimsānam saḥabyatam. So aññe deve atirocati vaṇṇena ceva yasasā cā”’ti.

“Atha kho, bhikkhave, sakko devānamindo deve tāvatimse āmantesi – ‘mā kho tumhe, mārisā, etassa devaputtassa ujjhāyittha. Eso kho, mārisā, devaputto pubbe manussabhūto samāno tathāgatappavedite dhammavinaye saddham samādiyi, sīlaṃ samādiyi, sutam samādiyi, cāgaṃ samādiyi, paññaṃ samādiyi. So tathāgatappavedite dhammavinaye saddham samādiyitvā sīlaṃ samādiyitvā sutam samādiyitvā cāgaṃ samādiyitvā paññaṃ samādiyitvā kāyassa bhedaṃ paraṃ marañā sugatiṃ saggam lokam upapanno devānam tāvatimsānam saḥabyatam. So aññe deve atirocati vaṇṇena ceva yasasā cā”’ti. Atha kho, bhikkhave, sakko devānamindo deve tāvatimse anunayamāno tāyam velāyam imā gāthāyo abhāsi –

“Yassa saddhā tathāgate, acalā suppatiṭṭhitā;
Sīlaṅca yassa kalyāṇam, ariyakantaṃ pasamsitaṃ.

“Saṅghe pasādo yassatthi, ujubhūtañca dassanam;
Adaliddoti taṃ āhu, amogham tassa jīvitam.

“Tasmā saddhañca sīlañca, pasādaṃ dhammadassanaṃ;
Anuyuñjetha medhāvī, saraṃ buddhāna sāsana”’nti.

4. Daliddasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

260. Catutthe **manussadaliddoti** manussaadhano. **Manussakapaṇoti** manussakāruññataṃ patto. **Manussavarākoti** manussalāmako. **Tatrāti** tasmim̐ ṭhāne, tasmim̐ vā atirocane. **Ujjhāyantīti** avajjhāyanti lāmakato cintenti. **Khiyantīti** kathenti pakāsenti. **Vipācentīti** tattha tattha kathenti vitthārenti. **Eso kho mārisāti** ettha ayamanupubbikathā – so kira anuppanne buddhe kāsiraṭṭhe bārāṇasirājā hutvā samussitaddhajapaṭākanānālāṅkārena suṭṭhu alaṅkataṃ nagaraṃ padakkhiṇaṃ akāsi attano sirisampattiyā samākaḍḍhitanetena janakāyena samullokiamāno. Tasmiñca samaye eko paccekabuddho gandhamādanapabbatā āgamma tasmim̐ nagare piṇḍāya carati, santindriyo santamānaso uttamadamathasamannāgato. Mahājanopi rājagataṃ cittikāraṃ pahāya paccekabuddhameva olokesi. Rājā – “idāni imasmim̐ janakāye ekopi maṃ na oloketi. Kiṃ nu kho eta”’nti? Olokeno paccekabuddhaṃ addasa. Sopi paccekabuddho mahallako hoti pacchimavaye ṭhito. Cīvarānipissa jiṇṇāni, tato tato suttāni gaḷanti. Rañño satahassādhikāni dve asaṅkhyeyyāni pūritapāramim̐ paccekabuddhaṃ disvā cittapasādamattaṃ vā hatthaṃ pasāretvā vandanamattaṃ vā nāhosi. So rājā “pabbajito maññe esa usūyāya maṃ na oloketī”’ti kujjhitvā “kvāyaṃ kuṭṭhicīvarāni pāruto”’ti niṭṭhubhitvā pakkāmi. Tassa kammaṃ vipākena mahāniraye nibbattitvā vipākāvasesena manussalokaṃ āgacchanto rājagahe paramakapaṇāya itthiyā kucchimhi paṭisandhim̐ gaṇhi. Gahitakālato paṭṭhāya sā itthī kañjikamattampi udarapūraṃ nālattha. Tassa kucchigatasseva kaṇṇanāsā vilīnā, saṅkhalitakuṭṭhī hutvā mātukucchito nikkhanto. Mātāpitāro nāma dukkarakārikā honti, tenassa mātā yāva kapālaṃ gahetvā caritum̐ na sakkoti, tāvassa kañjikampi udakampi āharitvā adāsi. Bhikkhāya caritum̐ samatthakāle panassa kapālaṃ hatthe datvā “paññāyissasi sakena kammena”’ti pakkāmi.

Athassa tato paṭṭhāya sakalasarīrato maṃsāni chijjivā chijjivā patanti, yūsaṃ paggharati, mahāvedanā vattanti. Yaṃ yaṃ racchaṃ nissāya sayati, sabbarattim̐ mahāravena ravati. Tassa kāruññaparidevitasaddena sakalavīthiyaṃ manussā sabbarattim̐ niddaṃ na labhanti. Tassa tato paṭṭhāya sukhasayite pabodhetīti suppbuddhotveva nāmaṃ udapādi. Athāparena samayena bhagavati rājagahaṃ sampatte nāgarā sathhāraṃ nimantetvā nagaramajjhe mahāmaṇḍapaṃ katvā dānaṃ adamsu. **Suppbuddhopi** kuṭṭhī gantvā dānaggamaṇḍapassa avidūre nisīdi. Nāgarā buddhappamukhaṃ bhikkhusaṅghaṃ paṇītena khādanīyena bhojanīyena parivisantā tassāpi yāgubhattaṃ adamsu. Tassa paṇītabhojanaṃ bhuttassa cittaṃ ekaggam̐ ahoṣi. Sathhā bhattakiccāvasāne anumodanaṃ katvā saccāni dīpesi, suppbuddho

nisinnaṭṭhāne nisinnova desanānusārena ñāṇaṃ pesetvā sotāpattiphale patiṭṭhito. Sattā uṭṭhāya vihāraṃ gato. Sopi cumbaṭaṃ āruyha kapālamādāya daṇḍamolubbha attano vasanaṭṭhānaṃ gacchanto vibbhantāya gāviyā jīvitā voropito mattikapātim bhinditvā suvaṇṇapātim paṭilabhanto viya dutiyacittavāre devaloke nibbato attano puññaṃ nissāya aññe deve atikkamma virocittha. Taṃ kāraṇaṃ dassento sakko devānamindo **eso kho mārisātiādimāha**.

Saddhāti maggenāgatasaddhā. **Sīlañca yassa kalyāṇanti** kalyāṇasīlaṃ nāma ariyasāvakaṃ ariyakantasīlaṃ vuccati. Tattha kiñcāpi ariyasāvakaṃ ekasīlampi akantaṃ nāma natthi, imasmim panatthe bhavantarepi appahīnaṃ pañcasīlaṃ adhippetam. Catuttham.